

Ảnh hưởng của công nghệ tài chính đến an toàn hệ thống tài chính- Từ khung lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam

Trần Thị Xuân Anh

Khoa Tài chính, Học viện Ngân hàng

Nguyễn Thị Hoài Lê

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cùng với sự phát triển chung của công nghệ thông tin, các công ty công nghệ đang đầu tư rất mạnh vào lĩnh vực tài chính, nhờ đó mà trên thị trường các dịch vụ tài chính đã xuất hiện các công ty công nghệ tài chính. Các công ty này hoạt động và cung cấp tất cả các dịch vụ của định chế tài chính ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng, đây là thách thức lớn cho các nhà quản lý tài chính cũng như các định chế tài chính truyền thống. Do công nghệ tài chính- FinTech- mới ra đời nên việc nghiên cứu về tác động của nó chưa nhiều, chưa đầy đủ cả ở lý luận và thực tiễn, đây chính là tính cấp thiết đặt ra việc cần có những nghiên cứu về khung đánh giá tác động của FinTech đối với sự phát triển của các tổ chức định chế tài chính, từ đó, có cách nhìn nhận, đánh giá thực tiễn đối với tính an toàn và ổn định của hệ thống tài chính.

Từ khoá: Công nghệ tài chính, định chế tài chính, thị trường tài chính

Impact of Fintech on the stability of Financial system - From theoretical framework to practice in Vietnam

Abstract: Together with the general development of information technology, technology companies are investing heavily in the financial sector, whereby financial technology companies have appeared in the financial market. These companies operate and provide all services of both banking and financial institutions, which is a major challenge for key regulators and traditional financial institutions. Due to the new financial technology- FinTech- the study of its impact is not much, incomplete in both theory and practice, this is the urgency that requires the study of the framework, assess the impact of FinTech on the development of financial institutions, thereby, have a view on the safety and stability of the financial system.

Keywords: financial technology, financial institutions, financial market.

Anh Thi Xuan Tran, PhD.

Email: anhttx@hvn.edu.vn

Finance Faculty, Banking Academy of Vietnam

Le Thi Hoai Nguyen, Assoc.Prof. PhD.

Email: hoaille74@gmail.com

Vietnam Academy of Social Sciences

Ngày nhận: 20/02/2020

Ngày nhận bản sửa: 09/03/2020

Ngày duyệt đăng: 17/03/2020

1. Khung đánh giá ảnh hưởng của FinTech

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đã tạo điều kiện cho cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ IV, cách mạng 4.0. Bối cảnh đó cùng với sự bùng nổ của hệ thống dữ liệu lớn (big data) đã dẫn đến sự ra đời một loại hình dịch vụ sáng tạo trên thị trường tài chính: FinTech (financial technology- công nghệ tài chính) cung cấp các dịch vụ tài chính bằng công nghệ cao trong nhiều lĩnh vực, sử dụng các ứng dụng, phần mềm hiện đại trên các thiết bị cá nhân như máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng ... Các dịch vụ tài chính được các công ty FinTech cung cấp rất đa dạng, hoàn thiện và phát triển một cách mạnh mẽ, bao gồm cả các dịch vụ của các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng. Chính vì lẽ đó, tác động của FinTech tới hệ thống tài chính nói chung và các định chế tài chính nói riêng là điều khó tránh khỏi. Điều này có thể được luận giải trên cơ sở tham khảo 2 khung lý luận cơ bản sau:

Một là, khung lý luận lợi ích- rủi ro của Dan J.Kim, Donal L.Ferrin và H. Raghav Rao (2008) được xây dựng trên cơ sở lý thuyết tâm lý hành vi. Theo đó, hành vi của con người được điều khiển bởi nhận thức của họ về khả năng chấp nhận, động cơ và thái độ đối với một sự việc cụ thể. Ngoài ra hành vi này còn bị chi phối bởi những thông tin họ thu nhận được trên thị trường. Tuy nhiên, những thông tin này có thể không đầy đủ và thiếu chính xác dẫn đến tâm lý lo lắng, từ đó ảnh hưởng đến quyết định sử dụng họ. Kết hợp giữa tâm lý nhận thức đầy đủ về lợi ích và những lo lắng liên quan đến rủi ro, Dan và các cộng sự (2008) cho rằng về cơ bản quyết định

sử dụng của người tiêu dùng về một sản phẩm, dịch vụ mới nào ra đời đều bị chi phối bởi hai yếu tố trên. Nghiên cứu của Lue và Shim (2010) còn đưa thêm yếu tố niềm tin của người tiêu dùng vào khung lợi ích- rủi ro để đánh giá quyết định sử dụng của người tiêu dùng.

Dựa vào khung lợi ích- rủi ro cảm nhận nêu trên có thể thấy ảnh hưởng của FinTech được đánh giá thông qua hành vi của người sử dụng trước những lợi ích và rủi ro tiềm tàng từ sản phẩm, dịch vụ mới này. Thị trường tài chính với chủ thể là các định chế tài chính có đặc tính là ảnh hưởng thông qua các cơ chế dẫn truyền có thể có tác động lớn hơn và mang tính hệ thống.

Hai là, khung đánh giá ảnh hưởng của Fintech của Tổ chức Ủy thác và thanh toán bù trừ (DTCC- The Deposit Trust & Clearing Coporation, 2017), theo đó tác động tiềm tàng của FinTech đối với sự ổn định tài chính là một vấn đề có tầm quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn đầu thử nghiệm và phát triển sản phẩm, dịch vụ này. DTCC đã xây dựng khung đánh giá gồm 9 yếu tố dẫn truyền ảnh hưởng của Fintech đến ổn định hệ thống tài chính gồm:

Yếu tố 1: Việc cung cấp các sản phẩm ngân hàng cốt lõi của các công ty FinTech

Các công ty FinTech đã và đang cung ứng các sản phẩm ngân hàng lõi như huy động vốn, tín dụng, thanh toán cho khách hàng. Ở một mức độ nhất định, điều này sẽ làm đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ trên thị trường tiền tệ- ngân hàng. Tuy nhiên, về bản chất hoạt động ngân hàng cần dựa trên hệ thống niềm tin vững chắc từ người dùng, trong khi các công ty FinTech phát

triển theo xu hướng phi tập trung, không cần sự hiện diện trực tiếp của người dùng. Đây vừa là ưu điểm nhưng cũng là nhược điểm của công ty FinTech xét dưới góc độ an toàn và bảo mật cho khách hàng. Do vậy, mặc dù cung ứng các sản phẩm có chức năng như ngân hàng thương mại (NHTM), song các công ty FinTech có xu hướng phát triển các dòng sản phẩm cho nhóm khách hàng nhỏ lẻ ở quy mô bé, hoặc các sản phẩm mới mà các NHTM truyền thống chưa có với đặc thù giảm thời gian giao dịch và tăng tính tiện nghi. Do đó, hiện nay tác động của FinTech đối rủi ro lây lan (Financial Contagion) thông qua kênh tín dụng hoặc thanh khoản có thể tương đối nhỏ, nhưng điều này phải được theo dõi khi chúng phát triển trong tương lai.

Yếu tố 2: Mức độ phân mảnh (chia nhỏ) liên quan đến sản phẩm FinTech

Sự phát triển của công nghệ số hóa trong ngành tài chính đang tạo ra những thay đổi mạnh mẽ tới hành vi của người tiêu dùng khi tiếp cận tới các sản phẩm và dịch vụ tài chính ở mức phí thấp hơn, thuận tiện hơn nhờ vào sự đa dạng trong cách thức thiết kế và phân phối sản phẩm của các công ty FinTech. Các sản phẩm được thiết kế phù hợp với đặc thù của từng khách hàng thay vì mang tính đại chúng dễ bị bắt chước. Sản phẩm được phân phối qua nhiều kênh khác nhau, giảm bớt sự hiện diện trực tiếp của các khách hàng khi thực hiện giao dịch. Tuy nhiên điều này cũng tiềm ẩn các nguy cơ như: rủi ro chia sẻ, rò rỉ thông tin khách hàng cũng như rủi ro từ bên thứ ba hay còn gọi là rủi ro trung gian/đại lý; làm mờ đi sự phân định trách nhiệm giữa các nhà phân phối và nhà sản xuất dịch vụ tài chính liên quan đến các vấn đề hoạt động, sự phù hợp của sản phẩm, trách nhiệm đối với các thiệt hại có

thể xảy ra; mở rộng việc sử dụng các tiêu chuẩn dữ liệu độc quyền có thể cản trở khả năng tương tác, gây ra lỗi và dẫn đến một hệ thống tài chính kém hiệu quả.

Yếu tố 3: Tác động của FinTech đến mức độ tập trung và độc quyền trên thị trường tài chính

Dù FinTech đang phát triển nhanh chóng nhưng quy mô của nó trong hệ thống tài chính nói chung vẫn còn hạn chế ở hầu hết các quốc gia. Một số công ty đang có xu hướng tập trung hơn ở một số lĩnh vực dịch vụ tài chính và khu vực địa lý nhất định. Báo cáo của Ủy ban Ổn định Tài chính Mỹ (2018) cho thấy sự phát triển của các nhà cung cấp tín dụng mới (công ty FinTech) có thể dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng về tầm quan trọng của các công ty này trong hệ thống tài chính vốn là “sân chơi” của những định chế tài chính truyền thống. Điều này sẽ làm giảm tính độc quyền hay mức độ tập trung của ngành tài chính vì các nhà cung cấp dịch vụ mới có thể cạnh tranh trực tiếp với các định chế tài chính truyền thống. Ví dụ, nền tảng tín dụng FinTech có thể giúp đa dạng hóa các nguồn vốn, do đó, làm giảm mức độ tập trung tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng, thực tế này có thể có lợi nếu xảy ra tình trạng ngân hàng gặp rủi ro trong quá trình hoạt động.

Yếu tố 4: Tính thay thế của dịch vụ FinTech

Một sản phẩm, dịch vụ được cho là có tính thay thế cao nếu nó có thể bị thay thế dễ dàng và nhanh chóng khi nhà cung cấp không có khả năng cung ứng. Tính thay thế là một những nhân tố chính trong việc đánh giá rủi ro hệ thống. Trong thị trường hoàn hảo, các dịch vụ tài chính có khả

năng thay thế cao sẽ tạo ra rủi ro hệ thống thấp hơn so với các dịch vụ không có khả năng thay thế.

Khả năng thay thế của dịch vụ FinTech phụ thuộc hoàn toàn vào bối cảnh, chẳng hạn như tính chất của dịch vụ, môi trường cạnh tranh và sự dễ dàng mà người dùng dịch vụ có thể chuyển sang nhà cung cấp thay thế (hoặc dịch vụ) trong trường hợp thất bại. Như vậy, mức độ thay thế phải được đánh giá trên cơ sở từng trường hợp. Ví dụ, sự thất bại của Apple Pay hoặc nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến có thể dễ dàng được thay thế bằng cách chuyển sang thanh toán bằng thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ. Mặt khác, việc chuyển đổi giữa các giải pháp FinTech được cung cấp dưới dạng dịch vụ nền tảng trực tuyến có thể mất vài tháng hoặc lâu hơn để thực hiện.

Yếu tố 5: Ảnh hưởng của FinTech đến sự kết nối tài chính

Sự kết nối của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính có thể có tác động đáng kể đến sự ổn định tài chính. Trong hầu hết các trường hợp, tính liên kết giúp giảm rủi ro hệ thống bằng cách phân tán “căng thẳng tài chính” bởi nhiều định chế tài chính có liên kết với nhau. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, tính liên kết có thể trở thành một tác nhân khuếch tán tác động của những cú sốc tài chính của một chủ thể đến toàn bộ hệ thống tài chính. Vì vậy, việc phân tích sự phát triển của FinTech ảnh hưởng đến mạng lưới tài chính là rất quan trọng và nên được xem xét theo các góc độ:

Một là, sự xuất hiện của các công ty FinTech một mặt có thể tạo ra mạng lưới kết nối theo chiều rộng nhiều hơn trong hệ thống các định chế tài chính, mặt khác sẽ làm gia tăng rủi ro lây lan cũng như mức

độ phức tạp cho hệ thống tài chính. Ngay cả khi các dịch vụ FinTech được thiết kế đặc biệt để cải thiện trải nghiệm người dùng và tạo hiệu quả tốt hơn, các công ty này vẫn tạo ra các tầng lớp trung gian trong việc phân phối sản phẩm, dịch vụ, tạo ra mắt xích vừa có tính chất bổ sung vừa có tính chất cạnh tranh trong hệ thống định chế tài chính.

Hai là, quan hệ đối tác giữa các công ty FinTech và các định chế tài chính khác ngày càng trở nên phổ biến, từ đó gia tăng mạng lưới kết nối theo chiều sâu trong hệ thống tài chính. Khi số lượng hợp đồng và các thỏa thuận khác giữa các công ty FinTech và các công ty dịch vụ tài chính khác tăng lên, các thỏa thuận cũng trở nên phức tạp hơn, rủi ro liên kết và lây lan sẽ có thể tăng lên.

Ba là, một số ứng dụng FinTech có xu hướng thay đổi cấu trúc liên kết trung tâm truyền thống của mạng tài chính theo hướng tăng tính phi tập trung, thường liên quan đến rủi ro tập trung thấp hơn và khả năng phục hồi cao hơn.

Như đã đề cập ở trên, mức độ phân mảnh và khả năng thay thế cũng cần được xem xét khi đánh giá tác động tổng thể của những thay đổi do FinTech đến sự ổn định tài chính.

Yếu tố 6: Mức độ cạnh tranh và hợp tác giữa các công ty FinTech và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống

Mỗi công ty FinTech theo đuổi một chiến lược khi họ định vị mình trong hệ sinh thái tài chính. Ban đầu, thực tế diễn biến thị trường cho thấy những doanh nghiệp mới tham gia FinTech cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính, thường là trong

một phân khúc thị trường hẹp nơi họ có lợi thế. Gần đây, nhiều công ty và công ty FinTech quyết định hợp tác với nhau, với tư cách là đối tác ưu tiên hoặc độc quyền hoặc thông qua một số hình thức thỏa thuận hợp tác khác.

Áp lực cạnh tranh làm các ngân hàng có thể xói mòn lợi nhuận của họ, do đó, có khả năng làm suy giảm mức đệm vốn (financial buffer). Điều này có thể thúc đẩy các ngân hàng theo đuổi các chiến lược rủi ro cao hơn, dẫn đến nguy cơ khủng hoảng. Do đó, một môi trường nơi các công ty FinTech và định chế tài chính truyền thống hợp tác theo các thỏa thuận cùng có lợi có nhiều khả năng thúc đẩy sự ổn định tài chính hơn là một môi trường đặc trưng bởi sự cạnh tranh hoàn toàn.

Yếu tố 7: Mức độ phụ thuộc vào các quy trình ra quyết định tự động

Theo định nghĩa, các công ty FinTech áp dụng công nghệ tiên tiến để tự động hóa các quy trình dịch vụ tài chính, các quy trình kinh doanh được thiết kế lại, loại bỏ các điểm trùng lặp nhằm làm cho chúng nhanh hơn và hiệu quả hơn. Ngày càng nhiều quyết định từng đòi hỏi sự phán đoán, đánh giá của con người được thay thế bằng các thuật toán dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và robot. Sự phát triển này tạo ra một số thách thức và làm xuất hiện những rủi ro nhất định:

Một là, việc quá phụ thuộc, thậm chí phụ thuộc hoàn toàn vào các thuật toán dựa trên dữ liệu có thể dẫn đến các lỗi chưa từng xảy ra trong môi trường làm việc truyền thống do con người kiểm soát như trước. Hệ thống tự động tốc độ cao gây lan truyền các lỗi nhanh hơn và rộng hơn, nguy cơ dẫn truyền rủi ro vượt quá khả

năng xử lý của con người cũng rõ rệt hơn. Sự cố Knight Capital năm 2012, là một ví dụ nổi bật của loại rủi ro này¹, cụ thể là sự cố của hệ thống định tuyến đơn hàng được xác định là do việc sử dụng phần mềm mới đã làm rất nhiều lệnh đặt mua, bán chứng khoán không chính xác, dẫn đến khoản lỗ 440 triệu USD phát sinh trong vòng chưa đầy một giờ giao dịch.

Hai là, sự phức tạp của các thuật toán cũng dễ dẫn đến những sai sót, bất cân xứng thông tin và không dễ xác định được những tiềm ẩn rủi ro hoạt động. Nguy cơ này đã làm Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC) của Mỹ ban hành bộ Nguyên tắc về Tính minh bạch và Trách nhiệm của Thuật toán, được thiết kế để giải quyết các mối lo ngại về sự thiếu minh bạch của các thuật toán.

Ba là, trong bối cảnh công nghệ 4.0, quản lý rủi ro bằng trí tuệ nhân tạo (AI- Artificial Intelligence) nhanh chóng nổi lên như một ưu tiên mới, điều này cũng tạo ra sự thay đổi trong quản trị nguồn nhân lực. Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2017 lưu ý, các công ty sẽ cần quản lý sự cân bằng mối quan hệ giữa các AI và đào tạo nhân viên của mình để cùng tồn tại với AI một cách hiệu quả.

Yếu tố 8: Mức độ đầu tư vốn vào các công ty khởi nghiệp FinTech

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay ghi nhận sự gia tăng mạnh đầu tư vào FinTech, giá trị của các công ty FinTech cũng tăng lên nhanh chóng trên thị trường. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này đã làm mức độ phát triển của công nghệ sẽ trở thành một nhân tố chính của hệ sinh thái tài chính, nhất

¹ Xem tại: <https://nhipcaudautu.vn/the-gioi/knight-capital-co-the-pha-san-vi-su-co-ky-thuat-3182362/>

là khi nó được sử dụng để cung cấp các dịch vụ quan trọng, sẽ tạo ra tác động tiềm năng đối với sự ổn định tài chính của cả hệ thống tài chính.

Khi sự kỳ vọng về ứng dụng FinTech là rất cao, một số nhà phân tích nhận thấy dấu hiệu của sự cường điệu và mong đợi hợp nhất trong lĩnh vực FinTech. Tương tự trong những ngày đầu của sự bùng nổ internet, dự đoán người thắng và người thua là hầu như không thể, nhưng hoàn toàn có thể hình dung được rằng FinTech có thể phá vỡ đáng kể các khu vực tài chính hoặc một số phân khúc thị trường. Việc áp dụng FinTech cũng có thể khác nhau giữa các khu vực địa lý. Dù là trường hợp nào đi chăng nữa, kết quả của quá trình này sẽ quyết định rất lớn đến ảnh hưởng của FinTech đối với sự ổn định tài chính quốc gia.

Yếu tố 9: Sự phát triển của môi trường pháp lý

Các cơ quan quản lý ở khắp các quốc gia đều chú ý đến sự phát triển ngày càng mạnh của FinTech. Một cuộc khảo sát toàn cầu do Hội đồng Ổn định tài chính Nhóm FinTech đưa ra vào tháng 02/2017 chỉ ra rằng, trong số 26 khu vực pháp lý được liên hệ thì có 20 khu vực đã thực hiện các biện pháp để đáp ứng với FinTech, với năm kế hoạch tài phán bổ sung để tuân thủ.

Tầm quan trọng của bối cảnh pháp lý trong đó các công ty FinTech hoạt động không thể phủ nhận. Các quyết định chính sách và hành động pháp lý sẽ trực tiếp xác định mức độ FinTech sẽ tác động đến sự ổn định tài chính trong nhiều năm tới. Để giúp đảm bảo một sân chơi bình đẳng, điều quan trọng là các sáng kiến pháp lý

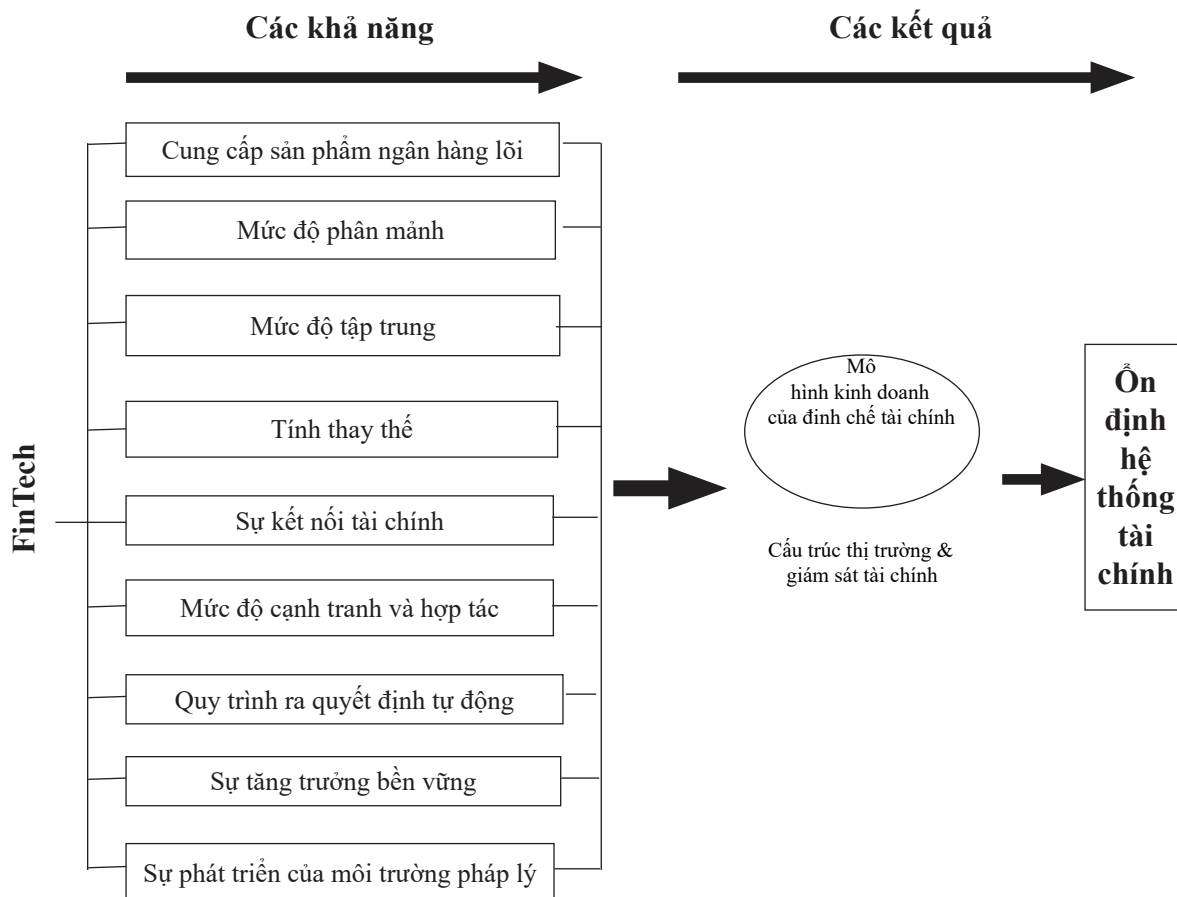
phải có sự hài hòa giữa các khu vực pháp lý. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các giám sát viên tài chính trên toàn cầu để tránh khe hở pháp lý và các kết quả không mong muốn khác.

Với khung lý luận nêu trên, theo nhóm nghiên cứu, Fintech có thể ảnh hưởng đến hệ thống tài chính dưới hai góc độ là ảnh hưởng vi mô thông qua việc tác động, thay đổi đến mô hình và cách thức kinh doanh của các định chế tài chính truyền thống, và ảnh hưởng vĩ mô do việc có thể làm thay đổi cấu trúc thị trường tài chính- ngân hàng cũng như hệ thống giám sát tài chính quốc gia. Những thay đổi này theo hướng tích cực sẽ tái định hình lại hoạt động hệ thống tài chính một cách bền vững và hiệu quả hơn, ngược lại, sẽ ảnh hưởng đến ổn định tài chính quốc gia, nhóm nghiên cứu đưa ra sơ đồ để phản ánh khung đánh giá ảnh hưởng của FinTech đến hệ thống các định chế tài chính và qua đó ảnh hưởng đến sự ổn định của cả hệ thống tài chính (Sơ đồ 1).

(1) Fintech có thể làm thay đổi cấu trúc thị trường ngân hàng (Banking market structure)

Tuỳ đặc thù của mỗi quốc gia mà hệ thống tài chính hoạt động trên cơ sở bank- based (diễn ra ở các nước trong đó tín dụng ngân hàng giữ vai trò chủ đạo và bảo đảm việc cung ứng vốn cho toàn bộ nền kinh tế) hoặc market- based (bảo đảm vốn được cung ứng chủ đạo từ thị trường vốn gồm thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu). Nhưng sự xuất hiện của các công ty FinTech sẽ làm thay đổi cấu trúc thị trường tài chính ngân hàng cả về chiều rộng và chiều sâu. Hệ thống các trung gian tài chính được mở rộng hơn về thành phần tham gia và có bước phát triển mới

Sơ đồ 1. Cấu trúc khung đánh giá ảnh hưởng của FinTech đến hệ thống các định chế tài chính



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

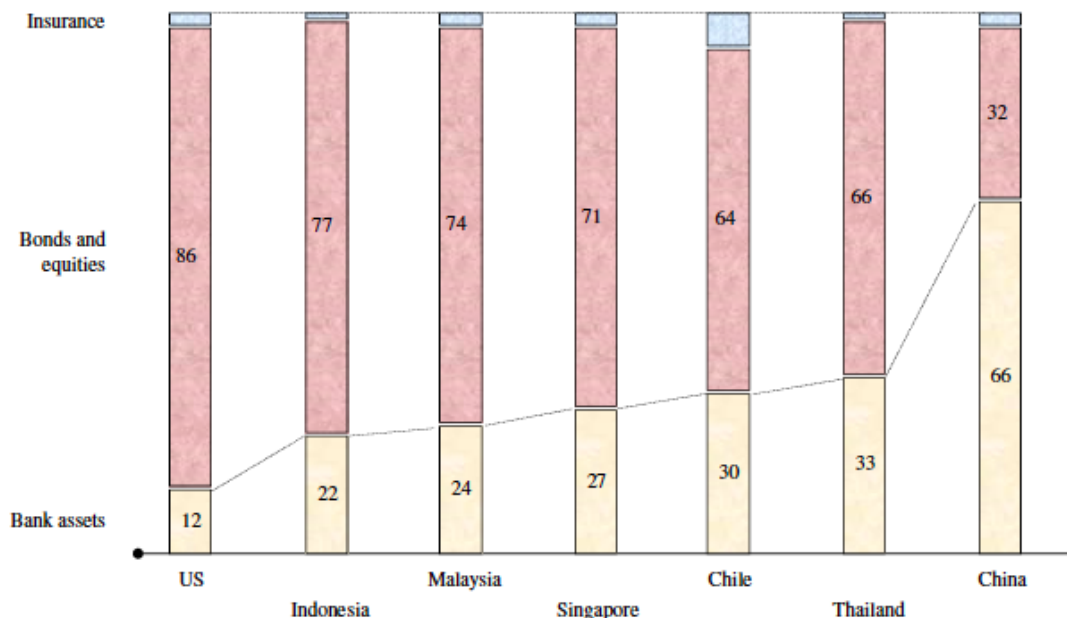
hơn, năng động hơn trong nền kinh tế số, làm đa dạng hoá các hình thái hoạt động của các định chế tài chính, không chỉ đơn thuần là trung gian tiền gửi, cho vay, trung gian thanh toán hoặc đầu tư. Từ đó, tạo ra xu hướng làm mờ đi ranh giới giữa các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng thông qua việc kết hợp cung ứng các chuỗi dịch vụ tài chính trên cùng một ứng dụng công nghệ. Xu hướng hợp tác đôi bên cùng có lợi từ việc cộng hưởng sức mạnh Ngân hàng- FinTech cũng dần thay thế cho việc các định chế trung gian truyền thống (gồm các NHTM, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...) cạnh tranh với nhau,

làm xuất hiện tổ hợp định chế trung gian tài chính (syndicated financial institution), dẫn đến thay đổi thị phần và vai trò của các định chế tài chính truyền thống trong nền kinh tế hiện nay (DTCC, 2017).

FinTech còn giúp khắc phục được điểm yếu cốt lõi của việc bất cân xứng thông tin khi nhờ công nghệ và internet đã cho phép người tiêu dùng được trực tiếp kiểm soát các giao dịch của mình trong không gian thực và thời gian thực, giúp phổ cập tài chính tới những nhóm khách hàng mà các định chế tài chính truyền thống chưa tiếp cận được nhờ vào các ưu điểm về chi phí giao dịch, thuận lợi và hiệu quả.

Biểu đồ 1. Cấu trúc thị trường tài chính tại một số quốc gia trên thế giới

As % of total per market value of financial assets - 2013/14



Nguồn: SECO, 2017

(2) Thay đổi mô hình kinh doanh truyền thống của các định chế tài chính

Với việc tạo ra các mô hình kinh doanh mới dựa trên việc sử dụng dữ liệu lớn, công ty FinTech có khả năng phá vỡ mô hình kinh doanh truyền thống của các định chế tài chính hiện nay theo các cách thức khác nhau:

Thứ nhất, thay đổi chiến lược cạnh tranh, thiết kế và cách thức phân phối sản phẩm dịch vụ tài chính. Hầu hết các định chế tài chính truyền thống đều xây dựng chiến lược cạnh tranh tập trung vào sản phẩm trong khi các công ty FinTech với ưu thế về công nghệ và mô hình kinh doanh sáng tạo đang chủ yếu tập trung chiến lược cạnh tranh vào đối tượng khách hàng. Sự thành công của công ty FinTech đã buộc các định chế tài chính phải định hình lại mô hình kinh doanh theo hướng mà FinTech đang triển khai là “Định danh

khách hàng điện tử”(e-KYC). Thay vì định danh khách hàng bằng gặp mặt trực tiếp, qua đối chiếu chứng từ giấy khá phiền phức, e-KYC thực hiện định danh khách hàng bằng phương thức điện tử không cần gặp mặt trực tiếp nhờ sự hỗ trợ của các công nghệ tân tiến như kiểm tra, đối chiếu thông tin cá nhân tức thời với cơ sở dữ liệu tập trung về danh tính người dùng, xác thực sinh trắc học, nhận diện khách hàng nhờ trí tuệ nhân tạo..., giúp các ngân hàng, tổ chức tài chính tiết kiệm được thời gian, tiền bạc và nhân lực cho công tác này, đồng thời giúp khách hàng có trải nghiệm người dùng tốt hơn đối với dịch vụ ngân hàng.

Thứ hai, sự cạnh tranh của các công ty FinTech đang làm thay đổi mạnh kênh phân phối và các sản phẩm dịch vụ tài chính- ngân hàng truyền thống. Sự xuất hiện của điện thoại thông minh (Smartphone), nhất là việc sử dụng các

công nghệ như giao tiếp qua web (web-chat) và Skype đã làm thay đổi cách con người giao tiếp và tương tác, kéo theo sự thay đổi trong kênh phân phối, mạng lưới bán hàng và cách thiết kế sản phẩm dịch vụ của các định chế tài chính. Kênh bán hàng qua Internet, Mobilebanking, Tablet Banking, mạng xã hội (Social Media), phát triển ngân hàng kỹ thuật số, giao dịch không giấy tờ là xu thế phát triển mạnh. Đây là thách thức không nhỏ của ngành ngân hàng trong việc giảm dần vai trò của các chi nhánh, cạnh tranh thông qua mở rộng mạng lưới chi nhánh ngân hàng với chi phí hoạt động cao sẽ dần chấm dứt, thay thế nó là các thiết kế đáp ứng tối đa hóa trải nghiệm khách hàng mà không cần đến sự giúp đỡ của giao dịch viên truyền thống. Việc xây dựng các chi nhánh này chủ yếu dựa vào nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của CMCN 4.0.

Trong việc cạnh tranh với các công ty FinTech, các vấn đề như giao diện lập trình ứng dụng (API- Application Programming Interface), phân phối liên mạch hay phân tích thông minh sẽ là những ứng dụng phổ biến trong hoạt động phát triển sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao của các định chế tài chính. Trong đó, dùng dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích hành vi khách hàng sẽ là xu hướng tương lai nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại giá trị gia tăng, tiết giảm chi phí và hỗ trợ cho các quá trình ra quyết định (In Lee, 2016).

Thứ ba, xu hướng hợp tác cùng các công ty FinTech thay vì là đối thủ cạnh tranh. Các công ty FinTech có ưu thế về công nghệ, mô hình kinh doanh sáng tạo nhưng nguồn lực hạn chế, mạng lưới khách hàng yếu lại ít kinh nghiệm trong hoạt động tài chính-

ngân hàng: Hệ thống kiểm soát, tuân thủ nội bộ chưa hoàn thiện, mạng lưới tiếp cận khách hàng còn nhiều hạn chế... Trong khi đó, các định chế tài chính truyền thống lại có thể mạnh cũng như điểm yếu gần như ngược lại. Chính vì vậy, hợp tác giữa ngân hàng và FinTech sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp cho thị trường dịch vụ ngân hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cho cả hai bên.

Theo BCBS (2018), có năm viễn cảnh có thể xảy ra với ngành ngân hàng. Tuy vậy, khả năng chỉ một viễn cảnh xảy ra là rất thấp. Thay vào đó, dự đoán của BCBS (2018) là sẽ có sự pha trộn giữa năm viễn cảnh ở từng thị trường khác nhau, phụ thuộc vào sự phát triển của công nghệ và mức độ phát triển của thị trường, trong đó có khung quản lý giám sát như sau: (i) Các ngân hàng hiện tại tự đổi mới thông qua hiện đại hóa và số hóa; (ii) Ngân hàng thế hệ mới (neo-bank) thay thế ngân hàng truyền thống; (iii) Ngân hàng kết hợp cùng doanh nghiệp FinTech cung cấp dịch vụ tài chính; (iv) Ngân hàng trở thành bên thứ ba cung cấp dịch vụ, nhường dịch vụ khách hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp FinTech hay công ty công nghệ lớn như Facebook, Google, Apple và Amazon (gọi chung là nhóm “Big Tech”); và (v) Ngân hàng không còn phù hợp và biến mất, vì khách hàng tương tác trực tiếp với nhà cung cấp dịch vụ tài chính cá nhân là các FinTech. Khả năng này dù ít xảy ra, nhưng đã có những dấu hiệu như sự xuất hiện của các nền tảng cho vay giữa các cá nhân (P2P lending) cũng như loại tiền mã hóa (cryptocurrencies).

(3) Thay đổi tính tuân thủ, giám sát định chế tài chính

FinTech có thể được sử dụng để nâng cao

các quy trình tuân thủ tại các định chế tài chính. Cụ thể là, Regtech (Regulatory Technology) tạm hiểu là việc ứng dụng công nghệ để hỗ trợ tuân thủ pháp luật, giúp các định chế tài chính tuân thủ những yêu cầu điều chỉnh và theo đuổi mục tiêu điều chỉnh. Bao gồm, quy trình báo cáo, bảo vệ khách hàng, chống rửa tiền và tội phạm tài chính tài trợ cho khủng bố (AML/CFT²). Trong ngữ cảnh đó, Regtech sẽ cung cấp cho các định chế tài chính nhiều phương pháp hiệu quả nhằm nâng cao tính tuân thủ và quản lý rủi ro. Regtech có thể tạo ra những quy trình mới, những kênh phân phối và sản phẩm mới, nhiều tổ chức kinh doanh mới, giúp các định chế tài chính tuân thủ yêu cầu điều chỉnh và quản lý rủi ro một cách có hiệu quả và có hiệu lực. Một số doanh nghiệp Regtech đã đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro và tuân thủ cho các định chế tài chính, thông qua quy trình lựa chọn và bổ sung trước những thay đổi mới về điều chỉnh. Regtech có thể xử lý hàng loạt yêu cầu liên quan đến báo cáo điều chỉnh, tội phạm tài chính, quản lý nghiệp vụ, kể cả an ninh mạng và chống gian lận tài chính.

Bên cạnh những lợi ích rõ ràng trên đây, sự phát triển của FinTech cũng kèm theo nhiều rủi ro tiềm tàng, tác động trực tiếp đến các định chế tài chính truyền thống và những thành viên FinTech mới tham gia vào lĩnh vực tài chính. Những rủi ro chính phát sinh cùng FinTech bao gồm rủi ro chiến lược, rủi ro nghiệp vụ, rủi ro mạng và rủi ro tuân thủ.

Về rủi ro chiến lược, xu hướng mở rộng dịch vụ ngân hàng từ doanh nghiệp không thuộc hệ thống ngân hàng và những doanh nghiệp FinTech lớn gây mất phần lớn

thị phần và lợi nhuận cận biên của các định chế truyền thống. Cùng với rủi ro hệ thống, rủi ro hoạt động tăng cao khi quy mô hệ thống được mở rộng. Sự phát triển của FinTech nâng cao tính tương tác nhưng đồng thời cũng tăng mức độ lệ thuộc vào hạ tầng thị trường về công nghệ thông tin giữa các thành viên tham gia thị trường, do đó, nguy cơ sự cố công nghệ thông tin biến thành khủng hoảng hệ thống có thể xảy ra, nhất là khi dịch vụ ngân hàng tập trung vào một hay một vài doanh nghiệp. Chưa kể là sự gia nhập của những doanh nghiệp FinTech vào lĩnh vực ngân hàng làm tăng tính phức tạp hệ thống, trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp FinTech mới còn thiếu kinh nghiệm về quản lý rủi ro về IT.

Các định chế tài chính cũng phải đối mặt với xu hướng gia tăng rủi ro bắt nguồn từ bên ngoài hệ thống do một số định chế tài chính tăng cường sử dụng bên thứ ba hoặc những đối tác FinTech khác, làm tăng mức độ phức tạp và giảm tính minh bạch của những nghiệp vụ nối đuôi nhau. Xu hướng sử dụng bên thứ ba hoặc những đối tác FinTech khác có thể làm tăng rủi ro an toàn dữ liệu, thông tin cá nhân, rửa tiền, an ninh mạng và bảo vệ khách hàng.

Các nghiên cứu lý luận cũng cho thấy, FinTech sẽ tăng thêm khó khăn trong việc đáp ứng những yêu cầu về tuân thủ và nghĩa vụ về AML/CFT, nhất là rủi ro tuân thủ liên quan đến dữ liệu riêng tư và rủi ro mạng. Rủi ro không tuân thủ các quy định về dữ liệu riêng tư có thể tăng cùng với sự phát triển của dữ liệu lớn xuất phát từ phía các doanh nghiệp Fintech trong quá trình cạnh tranh phát triển mạng lưới khách hàng trên thị trường tài chính. Rủi ro mạng có thể phát sinh trong mọi ngữ cảnh hoạt động nếu các chế tài kiểm soát

² Chống rửa tiền (AML: Anti-Money Laundering) và Chống tài trợ cho khủng bố (CFT: Counter-Financing Terrorist).

không theo kịp tốc độ thay đổi của các hoạt động FinTech dẫn đến lỗ hổng về bảo mật thông tin khách hàng. Sự gia tăng các mối liên kết giữa các thành viên tham gia thị trường có thể mang lại lợi ích cho các ngân hàng và khách hàng, nhưng cũng có thể phóng đại rủi ro an ninh, làm tăng mức độ tổn thương cho hệ thống ngân hàng, đòi hỏi phải có thêm nhiều công cụ ngăn ngừa những vi phạm tiềm tàng. Rủi ro thanh khoản và chao đảo dòng vốn ngân hàng cũng có nguy cơ tăng lên vì sử dụng công nghệ mới tạo ra những cơ hội cho khách hàng tự động thay đổi các tài khoản tiết kiệm hay quỹ hỗ trợ nhằm tăng thu lợi nhuận, điều này tác động đến mức độ trung thành của khách hàng và làm tăng bất ổn về tiền gửi, ảnh hưởng tiêu cực đến tính thanh khoản của ngân hàng.

Chính vì những lý do trên, các định chế tài chính và cơ quan giám sát sẽ tập trung mối quan tâm vào việc quản lý rủi ro, các chuẩn mực kiểm tra và bảo vệ nhằm vào những kênh phân phối và dịch vụ mới mà các định chế tài chính sẽ đưa ra thông qua các giải pháp FinTech; nâng cao tính an toàn, lành mạnh và ổn định tài chính, tăng cường thực hiện các chương trình giám sát, buộc các ngân hàng có cơ cấu quản trị và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả, đảm bảo cho việc xác định, quản lý và theo dõi những rủi ro phát sinh từ việc sử dụng FinTech liên quan đến việc áp dụng những mô hình kinh doanh cũng như quy trình và sản phẩm mới.

(4) Ảnh hưởng đến ổn định của hệ thống tài chính

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy FinTech được kỳ vọng sẽ thành cánh tay nối dài của ngân hàng, hỗ trợ phổ cập tài chính, tạo ra sức mạnh cho thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh và góp phần

phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển và áp dụng công nghệ vào lĩnh vực ngân hàng có thể gây rủi ro cho khách hàng và cả hệ thống ngân hàng. Các khách hàng có thể bị đe dọa về quyền riêng tư, an toàn của thông tin, gián đoạn dịch vụ ngân hàng, hay các cách thức tiếp thị không phù hợp. Ngành ngân hàng có thể bị đe dọa về lợi nhuận, gia tăng mức độ các nhóm rủi ro khác trong kinh doanh, không đáp ứng được hay vi phạm các yêu cầu của các cơ quan quản lý như bảo mật thông tin khách hàng, chống rửa tiền, tài trợ hoạt động khủng bố, kết quả sự ổn định của hệ thống tài chính sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực là điều khó tránh khỏi.

2. Thực tiễn tại Việt Nam

FinTech chính thức xuất hiện tại Việt Nam năm 2008 bằng hoạt động thanh toán. Theo khảo sát của Viện Nghiên cứu phát triển Công nghệ ngân hàng Đại học Quốc gia TP HCM (VNUHCM-IBT, 2019), hiện có hơn 154 công ty hoạt động trong lĩnh vực FinTech tại Việt Nam. Trong đó, 37 công ty hoạt động trong mảng thanh toán, 25 công ty hoạt động trong lĩnh vực cho vay; 22 công ty làm về Blockchain, Crypto & Remittance. Có đến 70% công ty FinTech ở Việt Nam là các công ty khởi nghiệp có vốn đầu tư đến từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Mỹ, Canada, Australia, Anh, Đan Mạch, Pháp và các quốc gia lân cận như Trung Quốc, Singapore, Malaysia. Không chỉ các startup, các tổ chức tài chính tại Việt Nam cũng tham gia làn sóng FinTech. Năm 2016, VPBank ra mắt ngân hàng số Timo, một mô hình quản lý tài chính cá nhân với tính năng tương tự ví điện tử thông thường, nhưng được hỗ trợ thêm khả năng rút tiền mặt và quẹt thẻ của ngân hàng truyền thống.

Nhìn chung, FinTech ở Việt Nam hiện chủ yếu chỉ tập trung ở ba dịch vụ: thanh toán, cho vay ngang hàng và huy động vốn cộng đồng. Vì nhiều lý do khác nhau, ở tầm vi mô lẫn vĩ mô, các lĩnh vực khác như dịch vụ quản lý tài sản, quản lý thanh khoản, quản lý đầu tư, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn tài chính tự động vẫn đang trong quá trình sơ khai. VNUHCM- IBT (2019) cho rằng các công ty FinTech ở Việt Nam có xu hướng sẽ tham gia chia sẻ thị phần bán lẻ tiềm năng của các ngân hàng truyền thống khi mà hoạt động cho vay ngang hàng, ví điện tử, thanh toán và trả góp bằng thẻ đã và đang thâm nhập mạnh mẽ vào cuộc sống hàng ngày. Sau đó, xu hướng ngân hàng số trở nên phổ cập với nhiều dịch vụ mở rộng.

Nhìn về số lượng, các công ty Việt Nam có số lượng tham gia FinTech còn khá ít so với các nước. Về chất lượng, hoạt động

của các công ty FinTech tại Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn đầu, chưa đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, phần lớn là hoạt động thanh toán; đang thiếu các dịch vụ quản lý tài sản, quản lý thanh khoản, quản lý danh tính, quản lý đầu tư, quản lý rủi ro, quản lý kinh doanh; bảo hiểm, bảo lãnh phát hành; dịch vụ tư vấn tài chính tự động.

Hệ sinh thái FinTech tại Việt Nam chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa các chủ thể bao gồm cơ quan quản lý, các định chế tài chính, công ty FinTech và các doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ đầu tư, hạ tầng tài chính, viễn thông,... Hoạt động kết nối để cung ứng sản phẩm dịch vụ cho người tiêu dùng chủ yếu là hợp tác giữa công ty FinTech và ngân hàng. Tuy nhiên, sự hợp tác này vẫn còn có hạn chế, mới chỉ đơn thuần là cung cấp các dịch vụ thanh toán giản đơn, chưa cung cấp các dịch vụ nâng cao khác cũng như tiếp

xem tiếp trang 20

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Ủy ban ổn định tài chính Mỹ (Financial Stability Board). (2018, June 27). *Financial Stability Implications from Fintech*.
2. BCBS (2018), *Implications of fintech developments for banks and bank supervisors*, truy cập <https://www.bis.org/bcbs/publ/d415.pdf>
3. DTCC 2017, "Fintech and Financial stability – exploring how technological innovations could impact the safety & security of global markets", truy cập https://scholar.google.com.vn/scholar?q=FINTECH+AND+FINANCIAL+STABILITY&hl=en&as_sdt=0&as_vis=1&oi=scholar
4. In Lee (2016), *Fintech: Ecosystem and Business Models*, http://onlinepresent.org/proceedings/vol142_2016/10.pdf
5. Kim, D.J., D.L. Ferrin, và H.R. Rao. (2008). "A trustbased consumer decision-making model in electronic commerce: The role of trust, perceived risk, and their antecedents", *Decision support systems*. 44(2), 544-564.
6. Luo, X., H. Li, J. Zhang, và J.P. Shim. (2010). "Examining multi-dimensional trust and multifaceted risk in initial acceptance of emerging technologies: An empirical study of mobile banking services", *Decision support systems*. 49(2), 222-234.
7. Nguyễn Trung Anh (2019), *Hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam*, Tạp chí ngân hàng, truy cập tại <http://tapchinhang.gov.vn/he-sinh-thai-fintech-tai-viet-nam.htm>
8. SECO (2017), *Chương trình đào tạo giám đốc NHTM Việt nam 2015 – 2017*
9. VNUHCM_IBT (2019), *Khảo sát về hoạt động Fintech tại Việt Nam, kết quả trình bày tại Hội thảo CNTT lần thứ 24*, truy cập tại www.vietnamfintech.com.vn
10. SECO (O, 2017), *Chương trình đào tạo giám đốc NHTM Việt Nam 2015 – 2017*
11. VNUHCM_IBT (2019), *Khảo sát về hoạt động Fintech tại Việt Nam, kết quả trình bày tại Hội thảo CNTT lần thứ 24*, truy cập tại www.vietnamfintech.com.vn

bớt các nghĩa vụ so với Incoterms, vì thế, vẫn sẽ là một thực tế trong quá trình sử dụng Incoterms trong đàm phán và soạn thảo hợp đồng. Tuy nhiên, điều quan trọng

là khi sử dụng biến thể của Incoterms, các bên cần thỏa thuận, thống nhất cách hiểu và quy định rõ ràng trong hợp đồng để tránh những tranh chấp không đáng có ■

Tài liệu tham khảo

1. *Incoterms 2020 by the International Chamber of Commerce* tại <<https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-2020/>>
2. *Incoterms 2010 by the International Chamber of Commerce* tại <<https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-rules-2010/>>
3. GS.TS. Nguyễn Văn Tiến (2010), *Cẩm nang Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương*, NXB Thống kê.
4. TS. Nguyễn Thị Cẩm Thủy và cộng sự (2017), *Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế*, NXB Lao Động.

tiếp theo trang 12

nhận, phản hồi, chia sẻ thông tin về khách hàng (Nguyễn Trung Anh, 2019).

Như vậy, có thể thấy ở thời điểm hiện tại, hoạt động của các công ty Fintech cũng như các sản phẩm dịch vụ cung ứng của những công ty này chưa thực sự làm thay đổi cơ cấu doanh thu, lợi nhuận cũng như hoạt động của các định chế tài chính truyền thống, thậm chí khó có thể cạnh tranh được với các NHTM, CTCK là những tổ chức có nền tảng khách hàng, hoạt động và uy tín tốt trên thị trường. Song về mặt dài hạn mức độ ảnh hưởng sẽ rõ ràng hơn, do đó cần có những điều chỉnh về mặt pháp lý cũng như điều hành chính sách vĩ mô của Chính phủ nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của Fitech, đặc biệt là đảm bảo ổn định hệ thống tài chính quốc gia.

3. Kết luận

Cùng với sự phát triển chung của thế giới, Việt Nam cũng đang trong giai đoạn tham gia cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và các công ty công nghệ tài chính FinTech cũng đang mạnh mẽ hình thành và gia nhập thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam. Nhờ ứng dụng FinTech mà xuất hiện các công

ty công nghệ tài chính hoạt động và cung cấp tất cả các dịch vụ của cả định chế tài chính ngân hàng và định chế tài chính phi ngân hàng truyền thống, đây là thách thức lớn cho các nhà quản lý chính ở Việt Nam về quản lý và phát triển ổn định thị trường tài chính cũng như là thách thức cho các định chế tài chính truyền thống. FinTech mới ra đời và đi vào hoạt động tại Việt Nam chưa lâu nên việc nghiên cứu về tác động của nó chưa nhiều, cả ở lý luận và thực tiễn, và đây chính là tính cấp thiết đặt ra việc cần có những nghiên cứu về tác động của FinTech đối với sự phát triển của các tổ chức định chế tài chính ở Việt Nam cũng như đối với tính an toàn và ổn định của hệ thống tài chính ■